

【秋田県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
キャベツ	312	7,400	4,670	96	91	92
春キャベツ	25	745	663	nc	nc	nc
夏秋キャベツ	222	4,880	2,650	94	87	87
冬キャベツ	65	1,770	1,360	nc	nc	nc
きゅうり	257	7,680	5,490	98	91	90
冬春きゅうり	2	129	119	nc	nc	nc
夏秋きゅうり	255	7,550	5,370	99	92	92
さといも	120	888	360	nc	nc	nc
秋冬さといも	120	888	360	nc	nc	nc
その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
だいこん	517	14,200	6,170	97	83	76
春だいこん	2	40	30	nc	nc	nc
夏だいこん	70	1,710	1,490	nc	nc	nc
秋冬だいこん	445	12,400	4,650	99	93	93
たまねぎ	83	1,940	1,680	nc	nc	nc
トマト	223	7,500	5,380	97	91	92
ミニトマト	27	745	549	100	96	96
加工用トマト	x	x	x	x	x	x
冬春トマト	2	95	85	nc	nc	nc
冬春ミニトマト	1	33	28	nc	nc	nc
夏秋トマト	221	7,400	5,290	96	91	91
夏秋ミニトマト	26	712	521	96	92	92
夏秋加工用トマト	x	x	x	x	x	x
なす	376	5,000	1,770	98	82	82
冬春なす	-	-	-	nc	nc	nc
夏秋なす	376	5,000	1,770	98	82	82
にんじん	53	609	259	nc	nc	nc
春夏にんじん	1	14	10	nc	nc	nc
秋にんじん	45	495	183	nc	nc	nc
冬にんじん	7	100	66	nc	nc	nc
ねぎ	650	13,600	11,000	106	94	94
春ねぎ	25	498	451	nc	nc	nc
夏ねぎ	203	4,100	3,770	110	102	102
秋冬ねぎ	422	8,990	6,770	105	89	89
はくさい	226	5,930	2,060	97	89	87
春はくさい	1	33	27	nc	nc	nc
夏はくさい	3	57	32	nc	nc	nc
秋冬はくさい	222	5,840	2,000	97	91	91
ばれいしょ	488	8,200	1,560	nc	nc	nc
春ばれいしょ	488	8,200	1,560	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	-	-	-	nc	nc	nc
ピーマン(しとう倉)	28	476	306	nc	nc	nc
冬春ピーマン	-	-	-	nc	nc	nc
夏秋ピーマン	28	476	306	nc	nc	nc
ほうれんそう	174	1,360	1,040	100	116	117
レタス(サラダ菜倉)	20	570	490	nc	nc	nc
サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc
春レタス(サラダ菜倉)	2	76	68	nc	nc	nc
春サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc
夏秋レタス(サラダ菜倉)	15	324	252	nc	nc	nc
夏秋サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc
冬レタス(サラダ菜倉)	3	170	170	nc	nc	nc
冬サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc

特 定 野 菜	アスパラガス	330	1,250	1,020	94	111	111
	いちご	38	334	182	nc	nc	nc
	えだまめ	1,290	4,540	3,610	95	89	89
	かぶ	48	686	206	91	92	92
	かぼちゃ	347	2,570	1,280	97	87	86
	カリフラワー	22	178	103	85	71	71
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	-	-	-	nc	nc	nc
	ごぼう	64	730	257	nc	nc	nc
	ごまつな	37	400	324	nc	nc	nc
	さやいんげん	115	634	280	98	95	96
	さやえんどう	94	473	124	101	100	100
	ししとう	3	40	31	nc	nc	nc
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	3	40	31	nc	nc	nc
	しゅんぎく	18	148	98	90	93	92
	しょうが	-	-	-	nc	nc	nc
	スイートコーン	210	1,220	390	nc	nc	nc
	ずいか	385	10,800	8,920	97	86	86
	セルリー	1	8	2	nc	nc	nc
	そらまめ	27	224	190	100	99	99
	ちんげんさい	20	266	213	nc	nc	nc
	にら	28	344	206	nc	nc	nc
	にんにく	62	273	193	103	112	136
	ふき	30	277	196	97	94	94
	ブロッコリー	38	229	153	nc	nc	nc
	みずな	3	31	21	nc	nc	nc
	みつば	3	27	21	nc	nc	nc
メロン	160	3,070	2,400	99	103	103	
温室メロン	-	-	-	nc	nc	nc	
やまのいも	81	711	367	82	73	69	
ながいも	51	489	205	85	80	79	
れんこん	x	x	x	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの（例：0.4ha→0ha）、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能